TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Quốc Khánh
2. Ông Danh On

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Thái Kim Phương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST – HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn: ông **Nguyễn Hoàng N,** sinh năm 1973; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1974; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Nguyễn Hoàng N có mặt tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày: Vào năm 1990, ông N có làm đám cưới với bà Nguyễn Thị D trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng ông N và bà D chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do

ông N và bà D thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và ông N đã ly thân với bà D khoảng 1 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu xin ly hôn với bà D. Ông N và bà D có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1990 và Nguyễn Phương V, sinh năm 1994. Hiện nay các con của ông N đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông N không có yêu cầu gì. Ông N và bà D đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông N không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 1990, bà D và ông N có làm đám cưới với bà Nguyễn Thị Dtrên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân khoảng 1 năm nay. Bà D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông N. Bà D và ông N có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1991 và Nguyễn Phương V, sinh năm 1994. Hiện nay các con của bà D và ông N đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà D không có yêu cầu gì. Bà D và ông N đã tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà D không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: không công nhận ông N và bà D là vợ chồng; Về con chung và tài sản chung do các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và bị đơn bà Nguyễn Thị D cư trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc xét xử vụ án khi bà D có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: vào năm 1990, ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D có tổ chức đám với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng ông N và bà D chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do ông N và bà D thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và ông N đã ly thân với bà D khoảng 1 năm nay. Mặc dù hai bên đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Nay, ông N có yêu cầu xin được ly hôn, bà D đồng ý. Xét thấy, tại Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Vào năm 1990, ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D có tổ chức đám với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Ông N và bà D có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận ông N và bà D là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D có với nhau 02 người con chung là anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Phương V, sinh năm 1994. Hiện nay anh Đ và chị V đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng. Đồng thời, ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D đã tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc ông N phải chịu số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị D đã tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc ông Nguyễn Hoàng N phải chịu số tiền 300.000đ. Do ông Nguyễn Hoàng N đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0005728, ngày 20/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu án phí toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt